

Bản án số: 135/2023/DS-ST
Ngày 28 – 9 – 2023
V/v tranh chấp nợ hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Mầm**

Ông **Nguyễn Tấn Lộc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc San** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà **Trần Bích Trâm** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2023/TLST- DS, ngày 06 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp nợ hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2023/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị B**, sinh năm 1932 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà B: Bà **Ngô Đào M**, sinh năm 1985 – Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau

2. Bị đơn: Ông **Võ Quốc Đ**, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1965 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 7 năm 2023 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà **Võ Thị B** trình bày:

Vào khoảng tháng 2/2021, bà có tham gia chơi hụi do ông Võ Quốc Đ và bà Nguyễn Thị M làm chủ. Bà tham gia chơi 01 chung ở đây hụi 2.000.000 đồng/tháng mở vào ngày 10/02/2021 âm lịch, đây hụi có 21 chung, bà đóng được 13 lần thì ông Đ và bà M tuyên bố đình hụi. Tổng số tiền hụi chết qua các lần đóng mà ông Đ và bà M nợ bà là 25.000.000 đồng. Sau đó, vào các ngày 23/8/2022 và 21/9/2022 ông Đ và bà M có trả cho bà số tiền hụi là 2.000.000 đồng, còn nợ lại bà số tiền hụi là 23.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng ông Võ Quốc Đ và bà Nguyễn Thị M phải trả số tiền hụi là 23.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày tại Biên bản làm việc ngày 23/8/2023 của Tòa án:

Bà thống nhất với trình bày của bà B, bà xác định hiện tại bà và ông Đ còn nợ bà B số tiền hụi là 23.000.000 đồng. Nay bà đồng ý trả cho bà B số tiền hụi là 23.000.000 đồng. Ngoài ra, việc mở hụi thì do bà và ông Đ cùng mở, cùng thực hiện việc gom hụi, chung hụi cho các chụi viên, bà và ông Đ không có sống ly thân, hụi do bà và ông Đ mở với mục đích làm kinh tế chung trong gia đình.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Võ Quốc Đ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến nên Tòa án không có lời khai của ông Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà B trình bày: Bà M và ông Đ là chủ hụi lại không chung hụi đầy đủ cho bà B nên còn nợ số tiền hụi là 23.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị M thừa nhận và đồng ý thanh toán cho bà B số tiền hụi 23.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B đối với bà M và ông Đ. Buộc bà M và ông Đ thanh toán cho bà B số tiền hụi là 23.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa trình bày: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký đã thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B đối với bà M và ông Đ. Buộc bà M và ông Đ thanh toán cho bà B số tiền hụi là 23.000.000 đồng. Về án phí buộc các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 06 tháng 7 năm 2023, bà B nộp đơn khởi kiện đến Tòa án tranh chấp nợ hụi với bà Nguyễn Thị M và ông Võ Quốc Đ. Khi khởi

kiện, ông Đ và bà M cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Võ Quốc Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị B về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị M và ông Võ Quốc Đ trả số tiền hụi là 23.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, cả bà B và bà M đều thống nhất xác định: Bà B có tham gia chơi một chung hụi ở đây hụi do ông Đ và bà M làm chủ: Hụi 2.000.000 đồng/tháng mở vào ngày 10/02/2021 âm lịch, đây hụi có 21 chung, bà B đóng được 13 lần thì ông Đ và bà M tuyên bố đình hụi. Tổng số tiền hụi chết qua các lần bà B đóng mà ông Đ và bà M nợ bà B là 25.000.000 đồng. Vào các ngày 23/8/2022 và 21/9/2022 ông Đ và bà M có trả cho bà B số tiền hụi là 2.000.000 đồng, còn nợ lại bà B số tiền hụi là 23.000.000 đồng. Nay bà B yêu cầu ông Đ và bà M thanh toán số tiền hụi 23.000.000 đồng. Tại biên bản làm việc ngày 23/8/2023 của Tòa án thì bà Nguyễn Thị M thừa nhận và đồng ý thanh toán cho bà B số tiền hụi là 23.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà M còn thừa nhận việc mở hụi thì do bà và ông Đ cùng mở, cùng thực hiện việc gom hụi, chung hụi cho các hụi viên, bà và ông Đ không có sống ly thân, hụi do bà và ông Đ mở với mục đích làm kinh tế chung trong gia đình, quan hệ hôn nhân của ông Đ và bà M vẫn đang tồn tại, ông Đ có biết việc bà B khởi kiện nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà B. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà B với ông Đ và bà M có xảy ra giao dịch hụi trên thực tế. Trên cơ sở thừa nhận của bà M thì có căn cứ xác định số tiền nợ hụi 23.000.000 đồng là nợ chung của ông Đ và bà M. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B đối với ông Đ và bà M, buộc ông Đ và bà M có trách nhiệm thanh toán cho bà B số tiền hụi là 23.000.000 đồng.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi: Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2023 và tại phiên tòa, bà B không yêu cầu tính lãi suất của số tiền hụi 23.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Đ và bà M phải chịu số tiền án phí đối với yêu cầu của bà B được chấp nhận là 23.000.000 đồng với số tiền án phí 1.150.000 đồng (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bà Võ Thị B không phải chịu án phí. Bà B thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 227, 228, 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị B đối với bà Nguyễn Thị M và ông Võ Quốc Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Võ Quốc Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Võ Thị B số tiền hụi là 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Võ Quốc Đ phải chịu án phí số tiền là 1.150.000 đồng (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C khi Bản án có hiệu lực.

Bà Võ Thị B không phải chịu án phí. Bà B thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Chí Thêm